

Tiềm năng bán tín chỉ Carbon tại Việt Nam

Trúc Linh

Theo các chuyên gia, Việt Nam có tiềm năng lớn về nguồn cung tín chỉ carbon, kỳ vọng mang lại lợi ích kinh tế cao. Phát triển thị trường tín chỉ carbon sẽ giúp Việt Nam xanh hoá nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp.

Từ khóa: Tiềm năng, thị trường, tín chỉ Carbon, hành lang pháp lý

Nguồn lợi tiềm năng từ bán tín chỉ carbon

Việt Nam là một trong những quốc gia giàu tiềm năng về rừng, với tỷ lệ che phủ rừng từ 40,84% năm 2015 lên 42,02% vào năm 2022; duy trì, phát triển hơn 14,7 triệu ha rừng, trong đó có 4,6 triệu ha rừng trồng. Các chuyên gia đánh giá, Việt Nam có nhiều tiềm năng với các dự án về tín chỉ carbon rừng, khi có thể tạo ra khoảng 50-70 triệu tín chỉ carbon rừng mỗi năm, tạo nguồn thu lên đến hàng nghìn tỷ đồng nếu xuất khẩu thành công.

Tín chỉ carbon rừng được tạo ra từ các hoạt động dự án giảm phát thải nhà kính, như giảm mất rừng và suy thoái rừng; tăng cường bể hấp thụ từ hoạt động trồng rừng, trồng lại rừng, tái tạo thảm thực vật và hoạt động tăng cường quản lý rừng. Chủ rừng có thể quy đổi diện tích rừng đang quản lý, bảo vệ ra lượng hấp thụ khí CO₂ ra tín chỉ carbon và có thể bán tín chỉ này tại thị trường carbon qua cơ chế giảm phát thải khí nhà kính.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, Việt Nam đang tham gia vào thị trường tín chỉ carbon, hiện đứng thứ 5 trong các nước tạo tín chỉ carbon

và đã thu được tiền nhờ bán tín chỉ này. Năm 2023, đánh dấu cột mốc rất quan trọng khi lần đầu lĩnh vực lâm nghiệp tại Việt Nam đã bán thành công 10,3 triệu tín chỉ carbon rừng (10,3 triệu tấn CO₂) thông qua Ngân hàng Thế giới (WB) với đơn giá 5 USD/tấn, thu về 51,5 triệu USD (tương đương 1200 tỷ đồng). Đây là bước khởi đầu về tiềm năng bán tín chỉ carbon rừng tại Việt Nam.

Đến nay, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam đã tiếp nhận số tiền thanh toán đợt một từ WB là 41,2 triệu USD và giải ngân toàn bộ để các địa phương thuộc tiểu vùng Bắc Trung Bộ lập kế hoạch chi trả chủ rừng. Khu vực Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế có hơn 3,1 triệu ha đất có rừng, với độ che phủ 57,4% (chiếm hơn 21,2% diện tích rừng cả nước).

Quảng Bình là một trong những địa phương đầu tiên được chi trả tiền bán tín chỉ carbon. Trong giai đoạn 2023-2025, tỉnh Quảng Bình chuyển nhượng hơn 2,4 triệu tấn CO₂ và được chi trả khoảng 235 tỷ đồng, tính riêng năm 2023, nhận 82,4 tỷ đồng. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

tỉnh Quảng Bình, diện tích rừng của tỉnh được chi trả từ dịch vụ bán tín chỉ carbon là 469.317 ha trong tổng số gần 600.000 ha rừng tự nhiên. Các chuyên gia cho rằng, điều đáng mừng không chỉ ở số tiền cụ thể, mà quan trọng hơn, Quảng Bình và các tỉnh Bắc Trung Bộ sẽ có được nguồn thu lâu dài hàng năm từ việc bán tín chỉ này.

Theo các chuyên gia, ngoài rừng, thị trường tín chỉ carbon ở Việt Nam còn có tiềm năng phát triển ở các lĩnh vực khác như năng lượng tái tạo hay trồng cây xanh đô thị. Bên cạnh đó, Việt Nam có tiềm năng lớn khi có nguồn năng lượng mặt trời, gió, thủy điện dồi dào. Các dự án năng lượng tái tạo có thể tạo ra tín chỉ carbon từ việc giảm phát thải khí nhà kính do sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế tuần hoàn cho biết, dư địa tín chỉ carbon của Việt Nam rất lớn, không chỉ từ rừng mà còn các ngành năng lượng tái tạo, nông nghiệp... Trong đó ngành nông nghiệp đặc biệt tiềm năng nhờ các hoạt động cải thiện điều kiện canh tác tương đối dễ dàng, có thể chuyển đổi nhanh. Ngoài ra, nhiều lĩnh vực khác như xây dựng, sản xuất công nghiệp, giao thông,

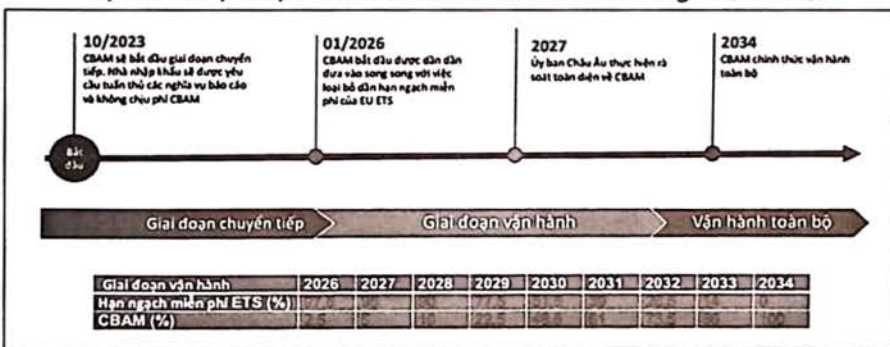
vận tải, xây dựng cũng là lĩnh vực tiềm năng, song các lĩnh vực này cần nhiều thời gian, nguồn lực lớn để thay đổi về hạ tầng, kỹ thuật, đầu tư máy móc.

Có thể nói, tiềm năng thị trường tín chỉ carbon của Việt Nam rất lớn và đang có cơ hội thuận lợi để phát triển. Trong xu hướng chuyển dịch xanh, nhiều doanh nghiệp cũng đã cam kết và đưa ra lộ trình cắt giảm phát thải, hướng tới trung hòa carbon. Nhu cầu tín chỉ carbon lớn là cơ hội để phát triển thị trường carbon tại Việt Nam. Giới chuyên gia cho rằng, thị trường tín chỉ carbon năm 2024 của Việt Nam được dự báo tiếp tục phát triển mạnh mẽ, với tiềm năng tăng trưởng lên đến 20%.

Cần hành lang pháp lý hoàn thiện để biến tiềm năng thành nguồn lực

Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định cụ thể về lộ trình phát triển, thời điểm triển khai thị trường carbon trong nước. Đây được xem là văn bản pháp quy đầu tiên thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam trong nỗ lực góp phần chống biến đổi khí hậu toàn cầu. Theo đó, kể từ năm 2025, Việt Nam sẽ thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ carbon; đến hết năm 2027, Việt Nam sẽ xây dựng quy định quản lý tín chỉ carbon phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; từ năm 2028 sẽ chính thức tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon trên phạm vi toàn cầu. Như vậy theo lộ trình, đến thời điểm này, Việt Nam còn đang trong giai đoạn tiền vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ carbon.

Lộ trình thực hiện cơ chế điều chỉnh carbon biên giới (CBAM)



Để biến tiềm năng carbon rừng hay năng lượng tái tạo thành hàng hóa, mang lại nguồn thu thì việc sớm nghiên cứu ban hành khung pháp lý hoàn chỉnh chuyên sâu nhằm thúc đẩy đầu tư và vận hành thị trường tín chỉ carbon là việc làm có ý nghĩa tiên quyết. Đây cũng là giải pháp quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu nước ta đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 như Thủ tướng Chính phủ đã tái cam kết tại COP28.

Trước hết, cần phải xem tín chỉ carbon là hàng hóa. Các quy định của pháp luật đến thời điểm này, ngay cả tín chỉ carbon rừng cũng chưa rõ có được coi là một loại lâm sản hay không. Một khi chưa xác định tín chỉ carbon là hàng hóa thì việc giao dịch mua bán trên thị trường thông qua phương thức nào cũng đều không thể coi là "danh chính ngôn thuận". Vì vậy, Luật Lâm nghiệp và các luật có liên quan cần được điều chỉnh, bổ sung theo hướng công nhận carbon được hấp thụ và lưu giữ trong rừng là một loại lâm sản; hoặc carbon thu giữ được các ngành năng lượng tái tạo là một loại hàng hóa đặc biệt.

Xác định quyền sở hữu tín chỉ carbon để hạn chế phát sinh tranh chấp. Khi tín chỉ carbon trở thành hàng hóa giao dịch thành công trên thị trường giống như bất cứ một loại hàng hóa khác thì chắc chắn sẽ phát sinh tranh chấp quyền sở hữu. Vì vậy hành lang pháp lý cần có (trong Bộ luật Dân sự và các luật có liên quan), đó là phải có quy định cụ thể về quyền sở hữu đối với tín chỉ carbon. Xác lập quyền sở hữu tín chỉ carbon phải đảm bảo đồng thời đạt được mục đích kép: Vừa hạn chế đến mức thấp nhất sự tranh chấp giữa các chủ rừng hay các chủ dự án khai thác năng lượng tái tạo; và cũng vừa khuyến khích được các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và khai thác tín chỉ carbon. Ví dụ: Tín chỉ carbon của những khu rừng tự nhiên giao cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, các tổ chức ngoài nhà nước thì những chủ thể này là chủ sở hữu những tín chỉ carbon tăng thêm do thực hiện các hoạt động bảo vệ rừng, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng; hoặc tín chỉ carbon của rừng trồng là rừng sản xuất do chủ rừng tự đầu tư thì thuộc về sở hữu của chủ rừng...

Luật hóa quy trình xây dựng và vận hành tín chỉ carbon. Carbon rừng nói riêng và carbon thu được từ các năng lượng tái tạo khác chỉ trở thành hàng hóa khi được xác nhận là tín chỉ. Có nghĩa phải qua quá trình nghiên cứu khả thi, lập dự án, thẩm tra hồ sơ, xác nhận tín chỉ, phát hành và chuyển nhượng, trao đổi, bù trừ. Đây là một quá trình đặc thù, nhiều giai đoạn phải được các tổ chức độc lập thực hiện. Trong khi đó, đến thời điểm này Việt Nam chưa có các quy định điều chỉnh việc thực hiện các bước hoặc có nhưng chưa phù hợp với thị trường carbon và thông lệ quốc tế...

Những trở ngại từ Đề án bán tín chỉ carbon rừng ở Quảng Nam cho thấy, nút thắt nằm ở chỗ thiếu quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, dẫn đến các hoạt động quản lý nhà nước về carbon rừng như điều tra, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến và giám sát rừng hằng năm chưa được công bố. Vì vậy, nếu không có hành lang pháp lý điều chỉnh để các cơ quan có chức năng của nhà nước có nghĩa vụ phối hợp, thì các địa phương rất khó để thiết kế và tổ chức thực hiện thành công tín chỉ carbon.

Theo các chuyên gia, những vướng mắc, bất cập trên cần sớm được khắc phục, bởi nếu không có hành lang pháp lý điều chỉnh phù hợp để khuyến khích đầu tư và khai thác tín chỉ carbon thì rất khó biến tiềm năng thành hiện thực và đưa thị trường tín chỉ carbon vận hành theo đúng lộ trình mà Chính phủ đã đặt ra.

Hiện, Bộ Tài Nguyên và môi trường đang trình Thủ tướng phê duyệt Đề án phát triển thị trường carbon. Trong đó, giai đoạn đầu sẽ lựa chọn doanh nghiệp, các ngành có phát thải lớn nhất, có đủ số liệu kiểm kê để kiểm soát trước làm thí điểm trước khi đưa lên sàn. Dự kiến sẽ áp trần phát thải carbon cho doanh nghiệp trong ba lĩnh vực nhiệt điện, xi măng, sắt thép trước, sau đó sẽ tiến hành với lĩnh vực khác. Theo đó các doanh nghiệp trong 3 lĩnh vực này muốn tăng sản lượng, sản xuất, vượt hạn ngạch phát thải được phân bổ thì phải mua lại hạn ngạch phát thải từ các doanh nghiệp phát thải ít, kiểm soát tốt lượng phát thải trong sản xuất, chưa sử dụng hết hạn ngạch phát thải được phân bổ./.

Tài liệu tham khảo:

- Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/1/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng Ô-dôn;
- Thỏa thuận giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ;
- Dự thảo đề án phát triển thị trường carbon tại Việt Nam của Bộ Tài Nguyên và môi trường.

Còn nhiều bất cập

Trong khoảng 15 năm trở lại đây, công tác phát triển NOXH luôn là vấn đề được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm và dành cho nhiều cơ chế ưu đãi về đất đai, thuế, vốn vay... Chính phủ cũng đã ban hành một Chương trình quốc gia về phát triển NOXH giai đoạn 2011 - 2020 và Đề án Xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ NOXH giai đoạn 2021 - 2030. Tuy nhiên, trên thực tế công tác phát triển NOXH vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra.

Số liệu của Bộ Xây dựng cho thấy, giai đoạn 2011 - 2020 mục tiêu cả nước phải xây dựng được 12,5 triệu mét vuông sàn NOXH, nhưng tổng kết cả giai đoạn này mới hoàn thành 5,1 triệu mét vuông, chiếm khoảng 41,4%. Tương tự, trong Đề án Xây dựng ít nhất 1 triệu căn NOXH giai đoạn 2021 - 2023, thì giai đoạn 2021 - 2025 phải hoàn thành khoảng 428.000 căn, nhưng đến thời điểm hết quý I/2024 mới chỉ hoàn thành được 75 dự án, quy mô 39.884 căn; khởi công 127 dự án, quy mô 114.984 căn; và chấp thuận chủ trương đầu tư 301 dự án, quy mô 263.332 căn. Trước thực trạng như hiện nay, mục tiêu giai đoạn 1 của Đề án có nguy cơ lại bị "lỡ hẹn".

Công tác phát triển NOXH gặp nhiều khó khăn, bất cập do vướng mắc bởi những quy định của pháp luật. Theo các chuyên gia đánh giá, một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do thiếu quỹ đất quy hoạch để phát triển NOXH và nguồn vốn đầu tư, mặc dù các quy định của pháp luật liên quan đến 2 nội dung này đã tương đối đầy đủ, tuy nhiên thực tế triển khai lại chưa đạt được như kỳ vọng.

Cụ thể, tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 100/2015/NĐ-CP về phát triển và quản lý NOXH cho phép chủ đầu các dự án nhà ở thương mại diện tích dưới 10ha được chuyển giao quỹ NOXH (20% diện tích xây dựng) bằng hình thức nộp tiền tương đương. Mặc dù nội dung quy định này là tiến bộ, phù hợp với quyền của doanh nghiệp, nhưng thực tế thì hầu hết đều lựa chọn hoán đổi bằng tiền và không chuyển giao hoán đổi quỹ đất cho NOXH ở vị trí khác tương đương với giá trị quỹ đất 20% tại dự án đó. Vì vậy, dẫn đến tình trạng NOXH mất đi một quỹ đất để phát triển.

Hiệp hội bất động sản (BDS) TP. Hồ Chí Minh cho biết, trong giai đoạn từ 01/7/2015 - 31/3/2021 thực hiện Điều 5 Nghị định 100/2015/NĐ-CP đối với dự án nhà ở thương mại có diện tích từ 10 ha trở lên, sau đó Nghị định 49/2021/NĐ-CP quy định dự án từ 2 ha trở lên thì "bắt buộc" chủ đầu tư phải xây dựng NOXH trên quỹ đất ở 20% của dự án đó. Tuy nhiên, rất nhiều dự án khu đô thị, nhà ở thương mại quy mô diện tích rất lớn lên đến hàng chục, hàng trăm ha nhưng hầu như không thấy "bóng dáng" NOXH trong dự án.

Theo chia sẻ của lãnh đạo Tập đoàn BĐS Hòa Bình, cùng một diện tích xây dựng sàn khoảng 150.000 m², một dự án nhà ở thương mại có thể mang về khoảng 2.500 tỷ đồng lợi nhuận, nhưng nếu làm nhà ở xã hội chỉ lời được 200 tỷ đồng (chưa đến 10%). Chưa kể, doanh nghiệp phải mất hơn 500 ngày, thậm chí nhiều hơn... mới được cấp chủ trương đầu tư dự án làm nhà ở xã hội cho một khu đất.

Còn đại diện Tập đoàn Vingroup cho hay, để dự án nhà ở xã hội thực sự là các khu đô thị hiện đại, văn minh, đầy đủ tiện ích